TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1098/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiển
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Thái Hoàn Xanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 528/2019/HNST ngày 10 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2019/QĐST-XX-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Trần Thị Tuyết T – sinh năm 1983

Địa chỉ : 18A 202 Chung cư H, phường P, quận T, Tp.Hồ Chí Minh

Bị đơn : Ông Nguyễn Thái M – sinh năm 1983

Địa chỉ : 32/1/12 H, phường P, quận TTp. Hồ Chí Minh

(Tại phiên tòa, bà Tuyết T – có mặt, ông Thái M – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T trình bày: bà và ông Nguyễn Thái M bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2001, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Trung quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

- Về mâu thuẫn gia đình : do giữa bà và ông Nguyễn Thái M không phù hợp tính tình, lối sống, cách chi tiêu tiền bạc trong gia đình và cách chăm sóc con chung nên thường tranh cãi gay gắt với nhau, nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

- Về con chung : bà và ông Nguyễn Thái M có 02 người con chung tên Nguyễn Đăng K – sinh ngày 16/9/2001 và Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/12/2010. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung : bà xác nhận không có

Ngày 13/8/2019, tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Thái M trình bày : ông và bà Trần Thị Tuyết T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2001, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Trung quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

- Về mâu thuẫn gia đình : ông nhận thấy ông không làm gì sai vì ông vẫn đi làm và lo cho vợ con, không rượu, không cờ bạc, không ăn chơi, không ngoại tình nhưng đến năm 2018 thì bà Tr thường xuyên vắng nhà, đi nhậu với bạn. Ông không đồng ý ly hôn vì ông tự nhận là một người đàn ông yêu thương vợ con, không làm gì có lỗi với vợ con .

- Về con chung : ông xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Đăng K – sinh ngày 16/9/2001 và Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/12/2010. Ý kiến của ông là vợ hoặc chồng nuôi dưỡng, ai cũng có quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung : ông xác nhận không có.

Tuy nhiên tại các buổi làm việc, mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn ông Nguyễn Thái M vẫn không đến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn ông Nguyễn Thái M vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2011, quyển số 01/2011 ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cấp

cho các đương sự thì quan hệ giữa bà Trần Thị Tuyết T và ông Nguyễn Thái M là quan hệ hôn nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 01/10/2019, công an phường P, quận T, Tp.HCM xác nhận : "… đương sự Nguyễn Thái M, sinh năm 1983 có HKTT 32/1/12 H, phường P, quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện tại đương sự Minh còn sinh sống tại địa chỉ trên…" nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* ông Nguyễn Thái M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không đến. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thái M

[3] *Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "…Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được…" .

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào văn bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Trần Thị Tuyết T và ông Nguyễn Thái M thường xuyên xảy mâu thuẫn là có cơ sở. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tống đạt theo quy định pháp luật nhưng bị đơn ông Nguyễn Thái M vẫn không đến tham gia các buổi làm việc, phiên họp và hòa giải, xét xử sơ thẩm. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn ông Nguyễn Thái M không còn tha thiết trong việc hàn gắng hôn nhân. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T .

- Về con chung: Các đương sự cùng xác nhận có 02 người con chung Nguyễn Đăng K – sinh ngày 16/9/2001 và Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/12/2010. Căn cứ vào bản tự khai ngày 03/9/2019, các trẻ Đăng K và Ngọc T có cùng nguyện vọng được chung sống cùng bà Trần Thị Tuyết T vì cho rằng bà Tr là người chăm sóc cho các con tốt hơn. Bên cạnh đó, bị đơn ông Nguyễn Thái M cho rằng: "… con chung là vợ hoặc chồng nuôi dưỡng, ai cũng có quyền và không có ý kiến... ". Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Đăng K – sinh ngày 16/9/2001 và Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/12/2010 cho bà Trần Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T không yêu cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Tuyết T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Thái M không nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết T được ly hôn với ông Nguyễn Thái M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2011, quyển số 01/2011 ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 người con chung Nguyễn Đăng K – sinh ngày 16/9/2001 và Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/12/2010 cho bà Trần Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thái M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thái M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Trần Thị Tuyết T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông Nguyễn Thái M thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: các bên đương sự cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Tuyết T phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0012170 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Tuyết T đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Thái M không phải nộp án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Nguyễn Thị Thanh Hiển